

# Nghiên cứu thực trạng năng lực tự học tiếng Anh của sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế trong thời đại công nghiệp 4.0

Hồ Thị Ái\*

\*Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

Received: 19/3/2023; Accepted: 25/3/2024; Published: 02/4/2024

**Abstract:** In the current industrial age of 4.0, the self-study skills are essential for students to expand their knowledge and improve their English to have the opportunity to find good jobs and advance in the workplace. However, students at Hue Industrial College still encounter many difficulties in the process of self-studying English. Those difficulties come from both objective and subjective sides. The article highlights the current situation of the self study and difficulties in English of students at Hue Industrial College. Therefore, solutions are proposed to help students self-study English more effectively.

**Keywords:** Self-study skills, competence development, students, English self-study

## 1. Đặt vấn đề

Ngày nay, với sự phát triển như vũ bão của công nghệ, tự học (TH) là năng lực (NL) thiết yếu để sinh viên (SV) tiếp thu tri thức mới bởi xã hội đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ thông thạo về lý thuyết mà còn phải biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. Ngoài ra, trong thời đại toàn cầu hóa như hiện nay thì kỹ năng (KN) tiếng Anh tốt giúp SV dễ dàng giao tiếp và tiếp cận các nguồn tài liệu, mở mang tri thức, lựa chọn công việc phù hợp và thăng tiến trong sự nghiệp. Việc TH, tự nghiên cứu của SV là hoạt động vô cùng cần thiết, đặc biệt đối với học phần tiếng Anh, một môn học cần sự ôn luyện thường xuyên và chủ động trong học tập thì kỹ năng tự học (KNTH) là rất quan trọng, mang tính quyết định. Bài báo phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến NL tự học tiếng Anh (THAT) của SV Trường Cao đẳng Công nghiệp (CDCN) Huế. Từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao NL THTA cho SV.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả phát phiếu điều tra cho 192 SV năm hai tất cả các ngành. Ngoài ra, 20 SV được lựa chọn để phỏng vấn. Tác giả chọn nghiên cứu các SV năm hai bởi lẽ SV đã được làm quen với một, hai học phần tiếng Anh cơ bản nên ít nhiều đã quen với cách học của bậc cao đẳng. Các SV phỏng vấn được tác giả lựa chọn theo nhiều mức NL tiếng Anh khác nhau để có cái nhìn đa chiều về vấn đề đang được nghiên cứu. Từ các số liệu thu thập được, tác giả sử dụng phương pháp thống kê và phương pháp phân tích tổng hợp để

rút ra kết quả.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Thực trạng NL THTA của sinh viên

Tại Trường CDCN Huế, tiếng Anh là một học phần bắt buộc cho tất cả các ngành và được đưa vào giảng dạy ngay từ học kỳ 1 kéo dài đến hết học kỳ 3, số tín chỉ cho các học phần tiếng Anh là 6 tín chỉ tương đương 120 tiết. Với số tiết trên lớp còn hạn chế, SV cần trang bị cho mình KN THTA mới có thể nâng cao NL tiếng Anh của mình. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy đa phần SV (trên 65%) nhận thức được tầm quan trọng của TH trong học tiếng Anh nhưng SV chưa thực sự dành thời gian, công sức nhiều cho việc THTA cũng như chưa có phương pháp THTA hiệu quả.

**3.1.1. Thời gian THAT.** Theo kết quả khảo sát, phần lớn SV dành thời gian THTA từ 1-2 tiếng/ tuần (lần lượt là 33,7% và 26,9%), thời gian TH từ 3 tiếng trở lên thì chưa cao. Giải thích về việc dành thời gian THTA còn ít, SV cho rằng vì lịch học các môn chuyên ngành quá dày đặc, SV vừa phải học lý thuyết vừa phải đi thực hành ở xưởng nên không thể dành nhiều thời gian cho việc THTA. Một số SV khác thì thú thật rằng họ có lên kế hoạch THTA nhưng đa số không thực hiện do lười hoặc có kế hoạch khác đột xuất. Một bộ phận SV khác thì bận đi làm thêm sau giờ học nên cũng không sắp xếp thời gian cho TH được.

### 3.1.2. Về hình thức THTA

Các hình thức THTA của SV nhìn chung khá đa dạng, tuy nhiên đa phần SV (84,4%) chỉ TH bằng

cách làm bài tập về nhà theo yêu cầu của GV, ôn tập lại các nội dung đã học trên lớp (58,3%) hoặc xem trước các bài học (52,1%). Do sự phát triển của công nghệ và việc dùng điện thoại thông minh trở nên phổ biến, nhiều SV lựa chọn hình thức TH dựa trên nền tảng công nghệ như Youtube, các trang web dạy tiếng Anh, các groups trên Facebook (74,5%). Có 71,4% SV lựa chọn hình thức TH qua xem phim, nghe nhạc, chơi các trò chơi bằng tiếng Anh và 66,1% SV học qua các apps học tiếng Anh cài trên điện thoại.

Trường CĐCN Huế chưa có câu lạc bộ tiếng Anh cho SV tham gia. Khảo sát cho thấy không có SV nào chọn tham gia các câu lạc bộ Tiếng Anh. Cũng có rất ít SV tham gia học thêm tiếng Anh ở các lớp bên ngoài hoặc học ở trung tâm (6,3%). Phỏng vấn cho thấy lịch học lý thuyết và thực hành các môn chuyên ngành của SV khá “dày” nên việc sắp xếp thời gian theo học tiếng Anh ngoài thời khóa biểu là khá khó khăn. Kinh tế cũng là một vấn đề mà SV băn khoăn khi tham gia các lớp học tiếng Anh bên ngoài vì chi phí thường khá cao. SV cũng bày tỏ thực tế rằng học ở bậc đại học- cao đẳng, SV chú trọng phát triển các môn chuyên ngành của mình hơn, tiếng Anh chỉ là một môn học đại cương nên không thể tập trung quá nhiều tiền bạc và công sức cho học phần này.

Như vậy, nhìn chung SV có ý thức trong việc THPTA nhưng chủ yếu mới dừng lại ở mức cơ bản là hoàn thành bài tập GV giao hoặc ôn lại bài đã học, xem trước bài mới giống những năm học ở cấp phổ thông. SV chưa chọn được cho mình hình thức THPTA chủ động hơn, vẫn còn dựa nhiều vào GV và giáo trình trên lớp. Hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong việc THPTA cũng được phần lớn SV lựa chọn, có lẽ là do tiện lợi và đỡ tốn kém chi phí.

### 3.1.3. Các KN tiếng Anh trong TH

Trong các KN tiếng Anh gồm nghe, nói, đọc, viết, từ vựng, ngữ pháp và phát âm thì SV thường xuyên luyện tập KN nghe (46,3%), phát âm (45,2%) và đọc hiểu (42,1%). Tiếp theo đó là từ vựng (41,6%) và ngữ pháp (35,7%). Kết quả khảo sát cũng cho thấy SV dành rất ít thời gian cho KN nói (59,8%) và viết (68,9%). Khi phỏng vấn về tầm quan trọng của các KN tiếng Anh thì SV xác nhận KN nghe và nói là quan trọng nhất nhưng TH thì không thể phát triển KN nói vì không có ai để nói cùng. SV cho hay SV có tự luyện phát âm theo các apps dạy phát âm như Elsaspeak, Cake, FluentU... và tập phát âm câu ngắn nhưng nói tiếng Anh theo kiểu giao tiếp thì khó có thể TH. Từ đây cho thấy việc THPTA theo nhóm là

cần thiết để phát triển KN nói tiếng Anh.

## 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng THPTA của SV

3.2.1. Nhân tố chủ quan. Phần lớn SV xác định đúng vai trò của THPTA trong việc phát triển NL, KN nhằm đáp ứng nhu cầu của công việc trong tương lai. Tuy nhiên, phương pháp, KNTH của SV còn nhiều hạn chế, dẫn đến chất lượng và hiệu quả của TH thấp. Ở phổ thông, SV quá quen với cách học truyền thống, chỉ lắng nghe thầy cô giảng sau đó ghi chép cụ thể, chi tiết bài học. SV ít có tư duy phản biện mà thường xem những gì GV giảng dạy là chân lý. Chính cách học này đã “ăn sâu” vào ý nghĩ của các em, khi lên bậc cao đẳng, SV vẫn lúng túng trong cách TH, tự tìm tòi khám phá tri thức do các em chưa thể xác định phương pháp THPTA phù hợp. Khảo sát cho thấy đa số SV (chiếm 64,8%) gặp khó khăn trong việc tìm ra phương pháp THPTA phù hợp.

Có 67,3% SV xác nhận rằng bản thân thiếu tính tự giác, kiên trì trong việc thực hiện kế hoạch TH. SV lên kế hoạch TH nhưng chưa quyết tâm thực hiện theo kế hoạch đã đề ra và thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác như có kế hoạch đột xuất, quên hay mệt... Có 54,4% SV xác nhận không thể sắp xếp thời gian để THPTA do lịch học dày, do làm thêm hoặc do tập trung vào các môn chuyên ngành hơn, có 41,6% SV hoàn toàn không có ý thức về THPTA. Phỏng vấn cho thấy các SV này thường yếu về KN tiếng Anh nên các em không có hứng thú và động lực TH, các em hầu như học tiếng Anh trên lớp để đối phó cho qua môn chứ không có ý thức nâng cao NL của mình.

3.2.2. Nhân tố khách quan. Khi trả lời câu hỏi, GV tiếng Anh có thường xuyên yêu cầu SV làm thêm bài tập tiếng Anh ở nhà không thì có 27,6% cho rằng GV tiếng Anh thường xuyên yêu cầu SV TH thêm tiếng Anh ngoài giờ lên lớp, có 42,9% SV trả lời thỉnh thoảng và 29,5% SV xác nhận rằng GV không bao giờ yêu cầu SV TH thêm tiếng Anh. Qua trao đổi với SV, tác giả thấy đa số các yêu cầu TH mà GV giao cho SV chỉ đơn giản là làm bài tập các phần đã học trên lớp hoặc chuẩn bị một nội dung trình bày/ thuyết trình theo cá nhân hoặc nhóm, chứ chưa có yêu cầu TH cụ thể. Còn về câu hỏi, GV có giới thiệu tài liệu và phương pháp THPTA phù hợp cho SV không thì có 72,4% chọn “thỉnh thoảng” và 16,7% chọn “không giới thiệu hay hướng dẫn gì”. Tuy ở bậc học đại học- cao đẳng, SV có cách học chủ động hơn nhưng nhìn chung vì mới chuyển đổi từ cách học ở bậc phổ thông

lên đào tạo tín chỉ, SV chưa nắm bắt được phương pháp TH phù hợp. Do đó, việc GV tiếng Anh định hướng, hỗ trợ, giúp SV xác định được phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả là rất cần thiết.

Về việc đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ tìm kiếm nguồn học liệu như trang web, giáo trình tham khảo phù hợp cho việc THPT, có 24,4% SV cho rằng hệ thống tài liệu của trường là đầy đủ và có 22,9% SV cho rằng là tương đối đầy đủ, đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của SV. Tuy nhiên vẫn còn 52,7% cho rằng hệ thống thông tin, thư viện của trường là chưa đáp ứng được nguồn tài liệu tiếng Anh cho SV.

### 3.3. Một số giải pháp nâng cao NL THPT cho SV năm nhất

#### 3.3.1. Đối với sinh viên

- Cần xác định được mục đích, động cơ, nhu cầu học tập; xây dựng thời gian biểu hợp lý cho kế hoạch TH và quan trọng nhất là xác định được phương pháp THPT hiệu quả. Có thể có sự điều chỉnh thời gian biểu trong quá trình TH nhưng phải có ý chí hoàn thành thời gian biểu đã đặt ra. Nếu SV gặp khó khăn trong việc định hướng hoặc xây dựng kế hoạch THPT thì nên liên hệ với GV ngoại ngữ để được hướng dẫn.

- Biết cách tự kiểm tra, đánh giá trình độ của bản thân, đồng thời xác định KN tiếng Anh nào cần được đầu tư nhiều thời gian TH hơn. Từ đó tìm các tài liệu, giáo trình hoặc các trang web hỗ trợ TH KN đó.

- Biết cách ôn tập, tổng hợp lại các kiến thức đã học theo định hướng cá nhân như tạo sơ đồ tư duy của riêng mình.

- Nên tạo nhóm TH, đây là điều kiện cho các thành viên trong nhóm thảo luận, trao đổi, chia sẻ kiến thức kinh nghiệm TH cùng nhau và cũng là điều kiện cần để luyện tập KN nói tiếng Anh.

#### 3.3.2. Đối với giảng viên

GV là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển NL TH của sinh viên. Một số nhiệm vụ chính của GV đối với hoạt động TH của SV như sau:

- Thúc đẩy động cơ TH ngoại ngữ của SV thông qua việc hướng dẫn SV xây dựng chiến lược THPT phù hợp, đặt ra các mục tiêu TH cụ thể, xác định KN nào cần đầu tư học nhiều hơn.

- Giám sát và thường xuyên đánh giá việc THPT của SV, thường xuyên hỗ trợ SV trên lớp hoặc qua các kênh liên lạc khác. GV thường xuyên đánh giá SV trong suốt quá trình của môn học thông qua các hình thức kiểm tra đa dạng như: bài tập cá nhân; bài

tập nhóm; bài tập lớn và các bài tập thường xuyên theo tiêu chí trình bày và chỉnh sửa công khai minh bạch, đánh giá đúng NL làm bài của từng cá nhân. Qua đó hình thành cho SV cách làm việc nghiêm túc, mang tính tích cực và ý chí phấn đấu vươn lên để đạt kết quả cao trong học tập.

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc THPT thông qua đánh giá toàn diện các KN nghe – nói – đọc – viết, từ vựng – ngữ pháp – phát âm.

- Đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy bằng cách tạo ra các tình huống thực tế có ý nghĩa, mang tính thời sự để khơi gợi hứng thú nơi SV, giúp SV có thể vận dụng kiến thức GV cung cấp hoặc vận dụng kiến thức TH để giải quyết vấn đề.

- Hướng dẫn SV sử dụng các ứng dụng, phần mềm để tăng hứng thú cho SV và hỗ trợ cho việc THPT như quizziz, kahoot, quizlet... giúp SV luyện các KN đọc, nói, từ vựng, ngữ pháp ... Giới thiệu cho SV các nguồn học liệu như các trang web hỗ trợ THPT, các kênh Youtube chất lượng ...

## 4. Kết luận

TH là yếu tố quyết định chất lượng học tập, chất lượng đào tạo, là con đường nhanh chóng đưa sự nghiệp giáo dục nước ta tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, TH cũng là hình thức học tập không thể thiếu được của sinh viên đang học tập tại các trường đại học- cao đẳng. Nâng cao NL ngoại ngữ cho SV không phải là quá trình một sớm một chiều và chỉ học trên lớp. Chính khả năng tư duy độc lập, tự chủ trong việc học, ý thức tự giác, thái độ học tập tích cực và phương pháp học tập đúng đắn cùng với sự kiên trì duy trì thói quen TH sẽ giúp SV cải thiện khả năng tiếng Anh. Sự phối hợp chặt chẽ giữa SV- GV- nhà trường và đoàn thể cũng là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao NL THPT cho SV.

## Tài liệu tham khảo

[1]. Cao Xuân Hạo (2002). *Bàn về chuyện TH*. Kiến thức ngày nay số 396.

[2]. Lê Khánh Bằng (1993). *Tổ chức quá trình dạy học đại học*. Viện nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp.

[3]. Nguyễn Thị Lan Anh (2015). *Nâng cao NL THPT cho sinh viên học tiếng Anh*. Tạp chí Khoa học giáo dục số 117.

[4]. Trần Minh Hằng (2011). *TH và yếu tố tâm lý cơ bản trong TH của sinh viên sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.